

## GIAO TỬ VỤ

### MỘT TRONG NHỮNG CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ CỦA TRIỀU NGUYỄN ĐƯỢC THỰC THI Ở CAO BẰNG

TRƯƠNG THỊ YẾN\*

Đồng tiền với vai trò vật ngang giá trong trao đổi hàng hóa đã từng được các triều đại phong kiến Việt Nam rất coi trọng. Hầu hết các ông vua khi lên ngôi đều cho đúc ngay một loại tiền in dấu ấn của thời đại mình, thí dụ như Lý Nam Đế đúc tiền *Thiên Đức*, Đinh Tiên Hoàng đúc tiền *Thái Bình hưng bảo*... Không chỉ đúc tiền, chính quyền phong kiến còn có trách nhiệm bảo vệ giá trị đồng tiền, chống nạn lạm phát, tiền giả... Ngay từ thời Lê, trong bản *chiếu tiền tệ*, vua Lê Thái Tổ đã từng khẳng định: *tiền là huyết mạch của dân*. Ở nửa đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đã từng đúc rất nhiều loại tiền, chính sách tiền tệ của nhà Nguyễn khiến đồng tiền thời kỳ này phong phú về chủng loại và có chất lượng tốt, giá trị được đảm bảo. Đặc biệt trong thời gian này, lần đầu tiên triều Nguyễn cho sử dụng "giao tử" ở vùng Cao Bằng.

Vào năm 1836, *Bố chính* tỉnh Cao Bằng là Trần Huy Phác phản ánh với triều đình về việc các lái buôn nhà Thanh ở vùng biên giới phía Bắc này đem rất nhiều loại hàng hóa sang bán, sau đó lại mua bạc thỏi ngân mang về, khiến cho giá bạc trong địa phương cao vọt mãi và tiền đồng thì ngày càng cạn kiệt. (Trước thời điểm này nhà nước đã từng nhiều lần ra lệnh cho các tỉnh biên giới phía Bắc phải nghiêm xét không

cho người nước Thanh được mua vàng bạc đem ra khỏi biên giới). Ông đưa ra một giải pháp "xin cho tạm quyền đặt Giao tử vụ ở phố Lương Mã gần tỉnh. Phàm các thương nhân buôn bán đem tiền thu được đổi lấy "giao tử" khi về tùy theo địa phương sở tại, đưa bằng khoán lấy tiền ra. Như vậy, trong hạt không bị người buôn đem đi mà sự chi dụng của dân cũng được tiện" (1).

"Giao tử" là loại tiền giấy sớm nhất trên thế giới được phát minh ra ở vùng Thành Đô - Trung Quốc thời Bắc Tống (Tống Chân Tông, 998-1022). Tiền thân của loại tiền này chính là một loại phiếu gọi là "Phi tiền" xuất hiện từ thời nhà Đường. Đây là một loại phiếu do các thương nhân tự giao ước và phát hành trong nội bộ để tránh việc phải mang theo người một lượng tiền đồng lớn rất nặng nề. Các thương nhân chỉ cần mang "phi tiền" tới các địa điểm đã giao ước là đổi được thành tiền. Đến thời Tống, "giao tử" xuất hiện do lúc này đồng tiền kẽm có trọng lượng lớn mà giá trị nhỏ (10 quan Tiểu tiền nặng 65 cân đổi được 1 quan Đại tiền nặng 12 cân), các thương nhân có số vốn lớn, buôn bán đường dài gặp rất nhiều khó khăn. Trong hoàn cảnh ấy, 16 tư thương ở vùng Thành Đô đã tạo ra một loại tiền giấy gọi là "giao tử". Thời Tống Nhân Tông (1023-1056), các "giao tử vụ" của nhà

\* TS. Viện Sử học.

nước ra đời, phát hành một lượng "giao tử" có giá trị lớn với thời hạn 3 năm. Các thương nhân dùng "giao tử" để trao đổi mua bán, khi đem "giao tử" đổi lấy tiền mặt phải trả thêm 30 "văn" coi như tiền lãi. Khi hết hạn, đổi "giao tử" cũ lấy "giao tử" mới cũng phải nộp thêm tiền phí giấy mực là 30 "văn". "Giao tử" đã giúp cho các thương nhân huy động được số vốn lớn, mang đi buôn bán trao đổi một cách thuận tiện (2). Năm 1024, nhà nước phát hành tại Ích Châu "Quan giao tử" từ 1 đến 10 quan. Năm 1033 lại phát hành 2 loại "Giao tử" 5 quan và 10 quan. Loại "giao tử" 1 quan và 500 đồng, "Giao tử" được phát hành rộng rãi ra tại các lộ: Hà Đông, Thiểm Tây... "giao tử" sau còn đổi thành "Tiền dẫn", thành "giao sao", "Hội tử"... (3).

Khi đề nghị của quan Bố chính Cao Bằng đưa lên, vua lệnh cho Bộ Hộ bàn bạc. Các quan trong Bộ cho rằng: "Cái phép "giao tử" xưa kia đã làm, cũng là một cách làm cho tài hóa lưu thông, dân được dư dả. Duy phép "giao tử" của ngày xưa lấy giấy thay tiền, cứ 1 giao là 1 quan. Khi dự chế ra "giao tử" thì định ngay ra số tiền và hạn năm làm mốc. Như vậy, không khỏi phải đổi thay; chi bằng chỉ chiếu theo số khoán tiền nhiều hay ít mà cấp cho tờ *khoán*, lấy tờ *khoán* làm "giao tử", dẫu nghìn muôn quan cũng chỉ 1 tờ giấy thôi, thế có gọn gàng hơn không? Vậy "Giao tử vụ" ở Cao Bằng, xin cho nhân viên ở tỉnh thành giữ, không cần phải đặt ở phố Lương Mã. Phàm người buôn các nơi đem hàng hóa đến bán thu được tiền, cùng người buôn trong bản tỉnh đi các hạt khác trao đổi mua bán và quan quân, dân chúng, hoặc nhân viên do việc công hay việc tư, phải đi hạt khác, cần dùng ăn đường mà không thể đem theo từ 5 quan tiền trở lên, muốn nộp gửi Nhà nước đều cho làm giấy cam kết, nhân viên ở tỉnh sẽ xét số, thu vào, rồi cấp tờ *khoán* ngay trước mặt. Tờ *khoán* biên rõ chức sắc, họ tên, quê quán và số tiền của người ấy, cùng với chỗ địa phương mà người lấy muốn lãnh, đóng ấn triện vào đưa cho giữ lấy làm bằng, rồi tư đi

cho quan địa phương mà người ấy đi đến được biết... Địa phương sở tại thấy hóa chủ trình giấy rõ ràng, lập tức thu tờ *khoán*, cấp trả tiền; nếu ai muốn lãnh thóc gạo cũng cho" (4). Về tiền lãi của người gửi cũng được quy định rõ ràng, phụ thuộc vào nghề nghiệp và việc gửi tiền đến lĩnh ở nơi gần hay xa: "Nếu thực quân và dân, lãnh ở Bắc Ninh, đường đi hơi gần, họ nộp 10 quan, thì cấp thêm cho 5 tiền, ở Hà Nội, Sơn Tây, Nam Định, Hải Dương và Hưng Yên, họ nộp 10 quan thì cấp thêm cho 3 tiền để họ được nhờ lợi cả. Còn quan chức và người buôn bán thì chỉ cấp đúng số" (5). Sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của nhà Nguyễn cũng ghi về sự kiện này, nội dung tương tự như sách *Đại Nam thực lục*, nhưng ở phần gửi tiền có quy định chi tiết hơn: "Từ 100 quan trở xuống, sức cho người chủ có tiền tự đi vận tải. Nếu trên 100 quan đến 1.000 quan, 10.000 quan - người chủ có tiền không mang đến tỉnh được, để ở gần phố chợ tỉnh. Quan tỉnh ấy lập tức phái nhân viên đến làm việc, đếm tiền thu lấy, sai lính nhận đem về tỉnh, chiếu số tiền cấp giấy biên nhận" (6). Phần bổ sung khi phê chuẩn của vua Minh Mạng cũng được ghi lại trong *Đại Nam thực lục* và *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* với nội dung: Người gửi từ 20 quan trở lên đến hàng trăm, hàng nghìn quan là người buôn bán to, giàu có: "Nay được nhà nước chuyển tiền cho, được nhận giấy biên lai, khỏi phí tổn đài tải ở đường sá, đã là may mắn lắm rồi, thì chỉ chiếu số tiền gửi chuyển mà giao lại cho đủ, không phải cho thêm tiền nữa" (7). Các nhà nghiên cứu về châu bản triều Nguyễn còn cho biết rằng: các quan lại nhà Nguyễn, khi chuyển chuyển từ Nam ra Bắc hay ngược lại, đường sá xa xôi không thể mang theo tiền bạc thì cũng đem tiền gửi vào kho Nội vụ của triều đình, sau đó nhận 1 tờ biên lai của cơ quan tài chính, đến nơi mới sẽ lĩnh tiền ra (8).

Như vậy, "giao tử" ra đời ở Trung Quốc và sau khoảng 800 năm mới được đem áp dụng thí điểm ở nước ta. Đây là hình thức gửi tiền, chuyển tiền thời cổ, đem lại sự thuận tiện cho các thương nhân và làm cho

tài hóa được lưu thông. Những tờ "khoán" hay "giao tử" như vậy có thể coi như những ngân phiếu mang theo người dễ dàng, linh được ở mọi nơi một cách thuận tiện. Bằng cách này người ta có thể huy động một số tiền lớn lại không phải mang vác, vận tải tiền một cách vất vả và không an toàn như trước. Vùng đất Cao Bằng xưa các thứ hoá phẩm và đồ dùng đều do nước ngoài cung cấp. Thương nhân Trung quốc sau khi bán xong hàng hóa đều mua bạc thỏi ngân vè, vừa nhẹ vừa có lợi nhuận cao. Việc phát hành "giao tử" cộng với việc tăng cường kiểm soát sẽ hạn chế được sự thất thoát bạc và tiền đồng ra nước ngoài.

"Giao tử" ra đời ở Trung Quốc, cũng như ở nước ta, đầu tiên là với mục đích phục vụ cho thương nhân nhưng sau đó nó đã phục vụ cho việc chuyển tiền của quan lại triều đình, binh lính và một phần dân chúng. Nhà nước khi cần huy động tiền mặt cũng sẽ có sẵn. Việc chi trả lãi cho thương nhân khi họ gửi dưới 20 quan rõ ràng sẽ đem lại món lợi cho nhà nước bởi khi đi buôn bán đường dài chắc chắn không có lái buôn nào chỉ có số vốn nhỏ như vậy. Đây cũng là điểm khác biệt trong chế độ "giao tử" của ta và Trung Quốc. "Giao tử" ở thời Nguyễn lại được cải tiến, có mệnh giá và thời hạn không cố định, như vậy các thương nhân không phải đổi đi đổi lại nhiều lần, mỗi lần đổi phải chịu một chút phí tổn. Nhưng sự cải tiến này cũng có điểm hạn chế vì những tờ "giao tử" "có mệnh giá không cố định, lại chỉ được lĩnh ra bởi chính người đó ở một

địa điểm đã định sẵn sẽ chỉ có giá trị như phương tiện chuyển tiền của các thương nhân và quan lại mà không có giá trị trao đổi phổ biến trên thị trường như đồng tiền ở Trung Quốc. Nếu như ở Trung Quốc "giao tử" ra đời do một tổ chức thương nhân phát hành, sau vài chục năm khi tổ chức này có dấu hiệu tham nhũng, nhà nước mới cho lập ra "giao tử vụ" giao cho các địa phương phát hành "giao tử" - thì ở thời Nguyễn ngay từ đầu nhà nước đã giao cho quan tỉnh Cao Bằng phát hành và quản lý "giao tử". Sự kiện này không chỉ minh chứng cho việc triều đình Nguyễn tin tưởng đối với các quan lại địa phương ở Cao Bằng mà còn cho thấy ở nửa đầu thế kỷ XIX, Cao Bằng có hoạt động buôn bán rất sầm uất. Sau một thời gian, tỉnh Lạng Sơn cũng xin lập "giao tử vụ" và được triều đình cho phép nhưng các sách sử không thấy nhắc đến "Giao tử vụ" ở Lạng Sơn. Rất tiếc chúng ta không có tư liệu để biết diễn biến của cuộc thử nghiệm của triều đình Nguyễn trên đất Cao Bằng ra sao, tác dụng trong thực tế của "giao tử vụ" đến đâu. Nhưng rõ ràng việc thi hành một hình thức sơ khai của tín phiếu ngân hàng trong lĩnh vực tài chính tiền tệ ở nửa đầu thế kỷ XIX cũng chứng tỏ sự quan tâm của nhà nước đến hoạt động thương nghiệp. Ý đồ muốn học hỏi, áp dụng cái hay, cái mới ở quá khứ và ở nước ngoài của triều đình nhà Nguyễn trước khi có sự du nhập của hệ thống ngân hàng phương Tây vào Việt Nam đầu có muộn nhưng cũng là những dấu hiệu đáng mừng.

### CHÚ THÍCH

(1), (4), (5). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*. Tập 18. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967, tr. 283, 283, 283.

(2). Thái Mỹ Bư: *Tiền trang sử*. Trung Quốc nhân dân xuất bản xã, đệ ngũ sách, 1993, tr. 87-88.

(3). Đỗ Văn Ninh, *Tiền cổ Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.

(6). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 54.

(7). *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, tr. 54.

(8). Bửu Kế, *Vẽ các châu bản triều Nguyễn*, Bách Khoa, Sài Gòn, 1960.